

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/TCDS - ST  
Ngày 14 tháng 12 năm 2017  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mè văn Ôn và ông Phàn Văn San

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Tòng Văn Cách - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Q - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLST- TCHĐVTS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐST - TCDS ngày 15 tháng 9 năm 2017; Giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947.

Trú quán: X 8, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1967.

Trú quán: X 8, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La.

Các đương sự đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017 bà T trình bày; tôi có cho chị Hoàng Thị H vay số tiền mặt là 190.000 000đ. Lãi xuất 1%/năm. Thời gian vay là 01 tháng, thời hạn thanh toán là ngày 06/10/2016 (lần 01 là 110.000 0000đ; lần 2 là 80.000 000 là vào 25/10/2016). Đến hạn thanh toán chị H không trả tiền vay như đã thỏa thuận. Tôi đã đến nhà chị H đòi nợ nhiều lần, nhưng chị H không trả nợ

theo thỏa thuận. Nay tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; buộc chị Hoàng Thị H phải trả số tiền mặt mà chị H vay theo hợp đồng ngày 06/10 và 25/10/2016. Tổng số tiền gốc là 190.000 000đ. Tiền lãi 09 tháng là 17.100 000đ, (lãi suất mỗi tháng là 1.900 000đ).

Tại bản tự khai ngày 11/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 11/8/2017 và ngày 31/8/2017 chị H xác nhận có được vay của bà T 80.000 000đ với lãi suất do hai bên thỏa thuận. Còn tờ giấy 110.000 000đ chị cho rằng là tờ giấy nháp để vay tiền người khác, chứ không phải vay của bà T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo đúng quy định của luật tố tụng dân sự, theo Điều 46, 47 và Điều 49 BLTTDS. Về thủ tục phiên tòa, phần hỏi nguyên đơn và bị đơn, phần tranh luận tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng theo các Điều từ 222 đến Điều 234 của BLTTDS. Trước khi mở phiên tòa ngày 27/9/2017 bị đơn chị Hoàng Thị H đề nghị để tự mình đi giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 06/10/2016 để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, nên chị đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để tự mình đi giám định theo quy định tại Điều 102 của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đầy đủ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Các ngày 06/10 và 25/10/2016 giữa bà Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị H giao kết hợp đồng vay tài sản (tiền mặt là 190.000 000đ; lãi xuất do hai bên thỏa thuận). Thời gian vay là 01 tháng, thời hạn thanh toán là vào các ngày 06 và ngày 25/10/2016. Theo hợp đồng chị H có trách nhiệm thanh toán tiền lãi và gốc theo hợp đồng vay tiền mặt. Sau khi giao kết hợp đồng từ ngày 06/10/ và ngày 25/10/2016 đến nay chị H chưa trả lãi và thanh toán tiền gốc. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ nhưng chị H không thực hiện. Mặc dù trong giấy vay tiền mặt giữa các đương sự không ghi thỏa thuận về lãi suất, tại biên bản ghi lời khai biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà T đều thừa nhận lãi suất là 1%/tháng; tại tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên, bị đơn Hoàng Thị H khai về lãi suất thỏa thuận giữa chị với bà T là trên 1% /năm trở lên, bà T như trên khai là không đúng. Xét thỏa thuận lãi suất giữa chị bà T và chị H là cao so với quy định; Áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 7%/năm; Đối với sản xuất kinh doanh khác là 10,5%/năm. Tại Thông tư số: 39/2016/TT - NHNN ngày 30/12/2016 tại Điều 13 lãi suất cho vay, có quy định như sau: “Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này”. Như vậy: Trong trường hợp này, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về “lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp khác có liên quan quy định khác. Căn cứ vào tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thuận vượt quá giới hạn được quy tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Trường hợp các bên có thuận thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Từ các căn cứ trên; Xét thấy việc thỏa thuận về lãi suất giữa bà T và chị H vượt quá quy định nên không có hiệu lực; Tại phiên tòa bà T công nhận đã nhận của chị H 56.000 000đ và nhất trí về lãi suất được xác định bằng 7% mức lãi suất theo Quyết định số 2174/QĐ - NHNN ngày 28/10/2014; TT 08/NHNN và Văn bản số 7269/NHNo-KHNV ngày 28/10/2014 của Agribank quy định; Xét yêu cầu của bà T về trả nợ gốc là có căn cứ chấp nhận theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, nhưng được khấu trừ số tiền bà T đã nhận của chị H là 56.000 000đ (trừ lãi suất 1% đến thời điểm bà T có đơn khởi kiện là 09 tháng;  $56 - 17.100\ 000đ = 38.900\ 000đ$  còn lại được trừ vào tiền gốc); Như vậy:  $190.000\ 000đ - 38.900\ 000đ = 151.100\ 000đ$ .

Ngày 10/8/2017 chị H có đơn đề nghị Tòa án xem xét việc hợp đồng vay tài sản (tiền mặt) giữa chị với bà T là từ ngày 25/10/2014, lãi suất trong các năm chị đã thanh toán cho bà T là đầy đủ, đến ngày 25/10/ 2016 tôi lại làm giấy vay tiếp với bà T số tiền là 80.000 000đ, còn đối với giấy vay tiền ngày 06/10/2016 là giấy nháp để vay người khác. Về nguyên tắc khi vay phải có giấy hợp đồng vay nợ và khi trả cũng phải có giấy biên nhận trả nợ cho bà T; nhưng chị H không xuất trình được chứng cứ, giấy tờ nào liên quan, như trong đơn đề nghị của chị; Trước khi mở phiên tòa ngày 27/9/2017 bị đơn chị Hoàng Thị H đề nghị đề tự mình đi giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 06/10/2016 để đảm bảo quyền lợi của mình, nên chị đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để (bị đơn) tự mình đi giám định theo đúng quy định tại Điều 102 của BLTTDS. Hết thời hạn hoãn phiên tòa và tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị H không giao nộp Kết luận giám định hay chứng cứ nào khác liên quan đến giấy vay tiền ngày 06/10/2016 với số tiền là 110.000 000đ cho Tòa án; Do đó Tòa không có căn cứ để xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị T với chị Hoàng Thị H.

Buộc chị Hoàng Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 190.000 000đ; nhưng được khấu trừ 38.900 000đ; chị H phải thanh toán tiếp cho bà Thiệp là 151.100 000đ.

2/ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.555 000đ

Bà Nguyễn Thị T được hoàn lại 4.750 000đ án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Sơn La, theo biên lai số: 02258 ngày 24/7/2017.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị H chưa trả được thì phải chịu lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Nguyên đơn và bị đơn đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND Huyện (02);
- THA dân sự;
- Các đương sự (02);
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bàn Văn Hoàng**